

Số: 64/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 73/2026/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2026 về việc “Ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị T**, sinh năm 1992;
- Bị đơn: Anh **Trần Đức T1**, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Tổ A, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2026.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Đinh Thị T** và anh **Trần Đức T1**.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Đinh Thị T** và anh **Trần Đức T1** thuận tình ly hôn.

\* **Về quyền nuôi con chung:** Chị **Đinh Thị T** và anh **Trần Đức T1** có 01 con chung tên **Trần Diệu H**, sinh ngày 06/3/2019, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn, giao con chung cho chị **Đinh Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày quyết định công nhận

thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

**\* Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Anh Trần Đức T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng (định kỳ hằng tháng) kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

*Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện theo Điều 357 của Bộ luật Dân sự.*

*Sau khi ly hôn, anh Trần Đức T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.*

**\* Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Về án phí:**

- Chị Đinh Thị T tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001694 ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Trả lại cho chị T số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Anh Trần Đức T1 phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND KV6;
- UBND xã Bạch Thông, tỉnh Thái Nguyên (Nơi ĐKKH);
- Phòng THADS KV6;
- Tòa án tỉnh Thái Nguyên (kèm BBHGT);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Triệu Thị Út Hiền**

